TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2022
V/v: *"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đoàn Thị Liễu**

Ông **Trương Hoài Khanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà **Đồng Thanh Lam** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Ngọc L**, sinh năm 1978 *(có mặt)*;

Địa chỉ: số 94/27, đường D, khu phố 4, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Võ Phước T**, sinh năm 1979 *(vắng mặt)*;

Địa chỉ: số 683/6, đường D, khu phố 4, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc*

L thống nhất trình bày: Chị Võ Thị Ngọc L và anh Võ Phước T tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ngày 27/11/2000.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, mâu thuẫn về kinh tế, nên thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Võ Hữu P, sinh ngày 02/01/2003 và Võ Phi T1, sinh ngày 12/7/2005. Chị L xác định cháu Võ Hữu P đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu nuôi dưỡng cháu Võ Phi T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác định không có.

* Bị đơn anh Võ Phước T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Võ Phước T không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Ngọc L với anh Võ Phước T, giao người con chung tên Võ Phi T1, sinh ngày 12/7/2005 cho chị Võ Thị Ngọc L chăm sóc, nuôi dưỡng; do chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét giải quyết, tài sản chung và nợ chung chị L xác định không có, nên không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Võ Phước T vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Phước T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Võ Phước T. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc L và anh Võ Phước T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang ngày 27/11/2000, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị L xác nhận là do mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên xảy ra cự cải, bất hòa; mặc dù chị L và anh T đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu

thuẩn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay chị L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Phía anh T không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị L và anh T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị L xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Võ Hữu P, sinh ngày 02/01/2003 và Võ Phi T1, sinh ngày 12/7/2005. Chị L xác định cháu Võ Hữu P đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu nuôi dưỡng cháu Võ Phi T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân thì cháu Phi T1 sống chung với chị L, tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu Phi T1 có nguyện vọng muốn sống với mẹ là chị L khi cha mẹ ly hôn nhau. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Võ Phi T1 cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do anh Võ Phước T không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Ngọc L được ly hôn với anh Võ Phước T.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Võ Phi T1, sinh ngày 12/7/2005 cho chị Võ Thị Ngọc L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Võ Phước T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Võ Thị Ngọc L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc L xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc chị Võ Thị Ngọc L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001254 ngày 19/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2022). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.